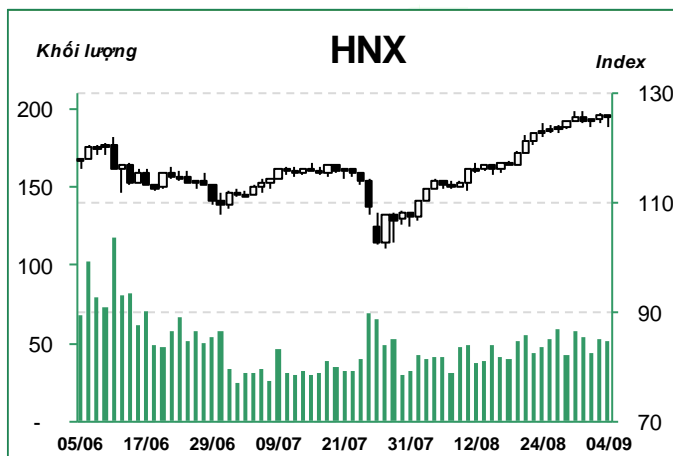
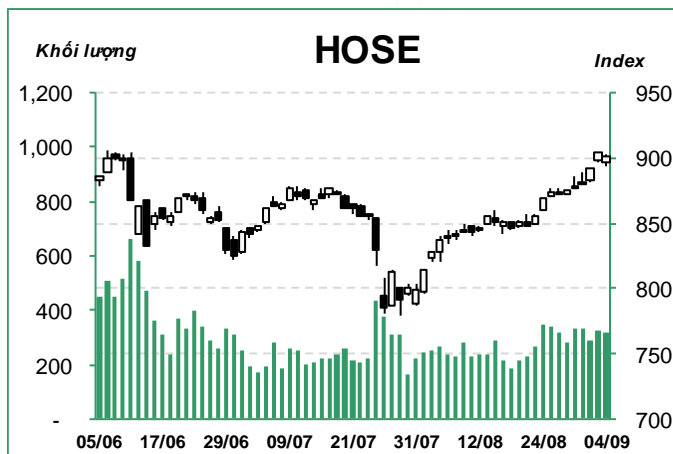


## Tổng quan thị trường

04/09/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>901.54</b>	<b>-0.27%</b>	<b>840.54</b>	<b>-0.37%</b>	<b>126.15</b>	<b>0.07%</b>
Cuối tuần trước	878.98	2.57%	821.93	2.26%	125.84	0.25%
Trung bình 20 ngày	867.78	3.89%	805.57	4.34%	121.77	3.60%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>346.44</b>	<b>-6.26%</b>	<b>111.90</b>	<b>-17.29%</b>	<b>52.49</b>	<b>-4.41%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>316.18</b>	<b>-2.18%</b>	<b>103.34</b>	<b>-1.31%</b>	<b>51.25</b>	<b>-1.96%</b>
Trung bình 20 ngày	279.04	13.31%	78.78	31.18%	48.11	6.53%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>6,732.39</b>	<b>-12.04%</b>	<b>3,470.70</b>	<b>-14.86%</b>	<b>625.55</b>	<b>8.07%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>5,886.80</b>	<b>-3.85%</b>	<b>3,093.98</b>	<b>-2.43%</b>	<b>612.47</b>	<b>10.85%</b>
Trung bình 20 ngày	4,808.12	22.43%	2,175.30	42.23%	560.66	9.24%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	146	31%	7	23%	82	23%
<b>Số mã giảm</b>	267	57%	21	70%	77	22%
<b>Số mã đứng giá</b>	52	11%	2	7%	197	55%



Thị trường chứng khoán Châu Á nói chung và chứng khoán Việt Nam nói riêng đồng loạt chìm trong sắc đỏ ngay từ đầu phiên khi nhà đầu tư phản ứng tiêu cực với đà giảm mạnh của thị trường Mỹ đêm hôm trước. Tuy nhiên, diễn biến của thị trường trong nước có phần tích cực hơn thị trường chung khi lực cầu hấp thụ khá tốt giúp chỉ số đảo chiều tiến về mốc tham chiếu trong phiên chiều.

Chốt phiên, VN-Index đóng cửa giảm nhẹ 0.27%, tương ứng với mức 901.54 điểm. Thanh khoản duy trì ở mức cao cho thấy dòng tiền vẫn đang tham gia khá tốt. KLGD khớp lệnh đạt 316.2 triệu cổ phiếu (-2.2%), tương đương 5,887 tỷ đồng giá trị (-3.9%).

Áp lực bán khiến nhiều cổ phiếu trụ cột đóng cửa trong sắc đỏ. Trong đó, Vietcombank-VCB (-1.5%), PV Gas-GAS (-1.6%), Vingroup-VIC (-0.5%) và Sabeco-SAB (-0.8%) có ảnh hưởng tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, Becamex IDC-BCM (+6.9%), Vinhomes-VHM (+0.5%), Masan-MSN (+1.6%) hỗ trợ cho chỉ số. Bên cạnh đó, nhóm ngành chứng khoán cũng được dòng tiền hưởng đến khá tốt với nhiều cổ phiếu tăng điểm như Chứng khoán Bản Việt-VCI (+4.1%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+2.6%) hay Chứng khoán SSI-SSI (+1.0%).

Khối ngoại giao dịch sôi động trên sàn HoSE khi cả giá trị mua và bán đều vượt ngưỡng 1,000 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Kết phiên, khối này bán ròng với giá trị 14.6 tỷ đồng. Trong đó, Becamex IDC-BCM (-122.0 tỷ), Vinhomes-VHM (-72.0 tỷ), Vietcombank-VCB (-53.2 tỷ) là những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất. Trái lại, khối ngoại tập trung mua ròng các cổ phiếu Petrolimex-PLX (+192.6 tỷ), Vinamilk-VNM (+57.7 tỷ) hay Vietinbank-CTG (+41.4 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến hồi phục nhưng tích cực hơn khi đóng cửa trong sắc xanh tại mức

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
BCM	3,200.0	131.52
PLX	2,237.2	114.99
GTN	4,020.0	106.50
VNM	692.7	85.95
CTG	1,450.0	36.42
NVL	545.0	34.29
GMD	1,113.6	27.06
TTB	3,948.8	23.81
OGC	3,600.0	21.06
BID	500.0	20.98
<b>HNX</b>		
SHS	1,000.0	11.10
NVB	238.0	1.98

126.15 điểm (+0.07%). KLGĐ khớp lệnh đạt 51.2 triệu cổ phiếu (-2.0%), tương đương 612.5 tỷ đồng giá trị (+10.9%).

Trong đó, Vicostone-VCS (+3.7%), Vinaconex-VCG (+2.2%), Khách sạn Đại Dương-OCH (+9.0%) là những cổ phiếu đóng góp đáng kể giúp chỉ số tăng điểm. Ngược lại, Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.5%), Ngân hàng SHB-SHB (-0.7%), Dầu khí PTSC-PVS (-0.8%) gây áp lực cho chỉ số.

Khối ngoại gia tăng bán ròng trên sàn Hà Nội, đạt giá trị 9.7 tỷ đồng (+15.8%). Với lực bán tập trung ở các cổ phiếu Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-3.8 tỷ), Vinaconex-VCG (-3.0 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-1.9 tỷ) trong khi Đầu tư Thăng Long-TIG (+0.6 tỷ), IDJ Financial-IDJ (+0.3 tỷ), Bọc ống Dầu khí-PVB (+0.3 tỷ) được khối ngoại mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền đang ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn giữ trên ngưỡng 900 điểm và chòm MA5,10,20 duy trì trạng thái phân kỳ dương, kèm theo chỉ báo ADX hướng lên vùng 24 và đường +DI nằm trên -DI cho tín hiệu xác nhận xu hướng phục hồi hiện tại, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật nhằm củng cố cho xu hướng chính và ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể quanh vùng 940 điểm (Fib 127.2). Tuy nhiên, chỉ số đang tiệm cận vùng kháng cự 900-905 điểm (vùng đỉnh cũ tháng 6/2020), cùng với RSI nằm trong vùng quá mua trên 70, cho thấy áp lực chốt lời có thể gia tăng trong những phiên tới. Do đó, trong trường hợp, chỉ số không thể sớm vượt qua được vùng kháng cự trên thì áp lực điều chỉnh có thể quay lại và chỉ số có thể chịu sức ép về vùng hỗ trợ quanh 880 điểm (đỉnh tháng 7/2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index diễn biến có phần tích cực hơn. Chỉ số vẫn giữ được đà tăng điểm và chòm MA5,10,20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy chỉ số có cơ hội tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 127.4 điểm (Fib 127.2). Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng phục hồi và các phiên rung lắc kỹ thuật là cần thiết nhằm củng cố cho xu hướng được chặt chẽ hơn. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, có tính dẫn dắt thị trường.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THI	31.5	11.9	7.0%
LAF	9.4	0.1	7.0%
DAT	47.7	8.8	7.0%
CTS	7.3	627.9	6.9%
BCM	41.1	695.5	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
CLW	27.3	0.0	-7.0%
HAP	7.1	54.1	-7.0%
SMA	11.4	1.7	-7.0%
DTL	9.5	0.6	-6.9%
SGT	5.4	1.3	-6.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	25.0	468.6	-0.2%
GEX	25.5	226.4	1.0%
VNM	125.0	212.8	0.2%
VCB	84.9	206.7	-1.5%
VRE	28.5	173.3	1.4%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	25.0	18,820.6	-0.2%
STB	11.3	9,882.0	-0.9%
SSI	15.4	9,713.6	1.0%
HQC	1.7	9,507.6	0.0%
GEX	25.5	9,056.1	1.0%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	143.7	20.0%
HKB	0.7	1,845.7	16.7%
WCS	217.8	15.6	10.0%
VNT	62.1	33.6	9.9%
NHC	30.0	0.5	9.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.8	349.8	-11.1%
BII	0.9	365.9	-10.0%
PSC	15.3	0.1	-10.0%
PPE	3.7	93.9	-9.8%
VE3	5.6	20.0	-9.7%

#### Top 5 giá trị

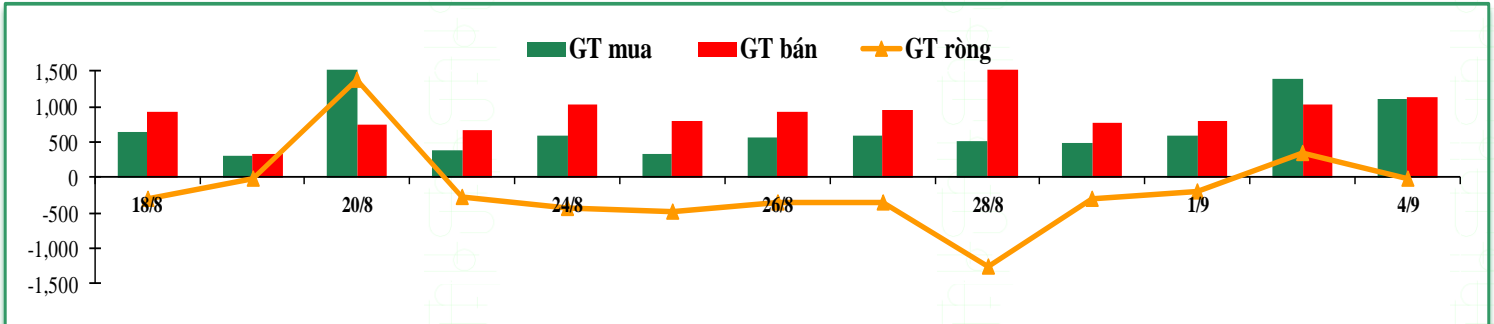
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	98.0	-0.5%
SHS	11.6	51.5	2.7%
PVS	12.6	51.4	-0.8%
VCS	67.0	45.5	3.7%
VCG	36.8	44.9	2.2%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	21.1	4,665.7	-0.5%
SHS	11.6	4,543.1	2.7%
PVS	12.6	4,092.8	-0.8%
SHB	14.0	2,911.6	-0.7%
NVB	8.3	2,652.2	1.2%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,108.8	18.8%	1,123.4	19.1%	-14.6
HNX	4.2	0.7%	13.9	2.3%	-9.7
<b>Tổng số</b>	<b>1,113.0</b>		<b>1,137.3</b>		<b>-24.3</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	51.6	223.0	-1.0%
VNM	125.0	163.9	0.2%
HPG	25.0	153.1	-0.2%
VCB	84.9	88.9	-1.5%
VRE	28.5	73.4	1.4%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	84.9	142.1	-1.5%
HPG	25.0	136.2	-0.2%
BCM	41.1	131.4	6.9%
VNM	125.0	106.2	0.2%
VHM	80.0	98.0	0.5%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PLX	51.6	192.6	-1.0%
VNM	125.0	57.7	0.2%
CTG	26.0	41.4	0.2%
VRE	28.5	32.4	1.4%
HPG	25.0	16.9	-0.2%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
BVS	10.9	0.6	0.0%
TIG	6.6	0.6	0.0%
WCS	217.8	0.4	10.0%
IDJ	15.5	0.3	-1.9%
PVB	18.1	0.3	0.6%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	11.6	3.8	2.7%
VCG	36.8	3.0	2.2%
BVS	10.9	2.4	0.0%
SDT	4.7	1.2	4.4%
PVS	12.6	1.2	-0.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TIG	6.6	0.6	0.0%
IDJ	15.5	0.3	-1.9%
PVB	18.1	0.3	0.6%
VCS	67.0	0.3	3.7%
INN	27.4	0.2	1.1%

## Tin trong nước

### **Thủ tướng: Dự trữ ngoại hối cuối năm nay có thể đạt 100 tỷ USD**

Thủ tướng cho biết, hiện dự trữ ngoại hối đã đạt khoảng 92 tỷ USD và có thể đạt con số 100 tỷ USD vào cuối năm nay.

Sáng nay (4/9), tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nêu rõ, tình hình tháng 8 có chuyển biến rất đáng mừng. Kinh tế vĩ mô duy trì ổn định. Chính sách tiền tệ được thực hiện tương đối tốt.

Đáng chú ý, Thủ tướng cho biết, dự trữ ngoại hối đã đạt khoảng 92 tỷ USD và đến cuối năm nay có thể đạt con số 100 tỷ USD, tăng nhiều lần so với mức 20 tỷ USD vào đầu nhiệm kỳ.

CPI tháng 8/2020 tăng 0,07% so với tháng trước, CPI bình quân 8 tháng năm 2020 tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ giá ổn định. Lãi suất có xu hướng giảm để hỗ trợ sản xuất.

Nông nghiệp tiếp tục là bộ đỡ cho nền kinh tế trong lúc khó khăn. Năm nay, ngành nông nghiệp phấn đấu giữ được mức tăng trưởng 2,6-2,8%, đặc biệt là nông nghiệp được mùa, được giá, kim ngạch xuất khẩu sẽ vẫn giữ được mục tiêu khoảng 41 tỷ USD. Trong đó, nguồn cung thịt lợn tăng. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giá lợn hiện nay trung bình từ 77.000 - 83.000 đồng/kg, giảm 15.000 - 18.000 đồng/kg so với thời điểm cao nhất.

Thủ tướng cho rằng, xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng, 8 tháng đạt trên 174 tỷ USD, tăng 1,6%. Xuất siêu trên 11,9 tỷ USD.

Giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ nét, tăng so với cùng kỳ gần 31%, mức tăng cao nhất từ trước đến nay. Nhiều địa phương đã tuyên bố giải ngân đạt 100% trong năm nay.

Phát triển doanh nghiệp đạt một số kết quả tích cực. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động tăng gần 30%.

### **Nông nghiệp xuất siêu hơn 6 tỷ USD**

Tính chung 8 tháng, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản ước đạt 26,15 tỷ USD, giảm 0,9% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhóm nông sản chính ước đạt gần 12 tỷ USD, giảm 3,2%; chăn nuôi ước đạt 250 triệu USD, giảm 25,0%; thủy sản ước đạt 5,2 tỷ USD, giảm 5,3%; lâm sản chính đạt trên 7,8 tỷ USD, tăng 10,3%;

Về nhập khẩu, tính chung 8 tháng, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản ước khoảng 19,9 tỷ USD, giảm 2,5% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt 16 tỷ USD, giảm 5,2%.

Như vậy, 8 tháng năm 2020, ngành nông nghiệp xuất siêu khoảng 6,2 tỷ USD, tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2019.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Cổ phiếu Trường Thành Group giao dịch đầu tiên tại HoSE ngày 18/9**

Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành (Trường Thành Group) thông báo ngày 18/9 là ngày giao dịch đầu tiên của 135 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE), mã chứng khoán TTA. Giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên 18.000 đồng/cp, với biên độ +/- 20%, cổ phiếu Trường Thành Group sẽ biến động trong khoảng 14.400 đồng/cp đến 21.600 đồng/cp. Như vậy, doanh nghiệp được định giá ở mức 2.340 tỷ đồng.

Trường Thành Group được thành lập vào ngày 5/9/2008 với vốn điều lệ 50 tỷ, đến nay đã tăng lên 1.350 tỷ đồng. Doanh nghiệp có 4 cổ đông lớn gồm Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành (23,63%), cá nhân Nguyễn Thị Ngọc (11,63%), Trần Huy Đức (23,26%) và Trần Huy Thiệu (6,52%).

Sau khi niêm yết, doanh nghiệp điện có kế hoạch tăng vốn từ 1.350 tỷ đồng lên 1.600 tỷ đồng qua chào bán riêng lẻ 25 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược. Nguồn vốn thu được để đầu tư dự án điện mặt trời Hồ Núi Một 1.

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh năng lượng, đầu tư các dự án điện năng như thủy điện, điện mặt trời và điện gió.

### **Bến xe Miền Tây trả thêm cổ tức tiền mặt tỷ lệ 258%**

Công ty cổ phần Bến xe Miền Tây (HNX: WCS) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2019 với tỷ lệ 258% (1 cổ phiếu được nhận 25.800 đồng). Với 2,5 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ chi khoảng 64,5 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 17/9 và thời gian thanh toán dự kiến 1/10.

Năm ngoái, lợi nhuận của bến xe này đạt mức kỷ lục 68,6 tỷ đồng, tăng 3% và các cổ đông đã thống nhất phương án chia cổ tức tỷ lệ 516% bằng tiền, tương đương số tiền dự chi là 129 tỷ đồng trong 2 đợt. Công ty mới trả cổ tức đợt 1/2019 tỷ lệ 258% bằng tiền vào cuối 7 qua.

Sang năm 2020, đơn vị vận hành bến xe này đặt mục tiêu doanh thu 130 tỷ và lãi 53,6 tỷ đồng, lần lượt giảm 17% và 22% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế bán niên ghi nhận 4,5 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ và hoàn thành 46% chỉ tiêu cả năm.

Là một doanh nghiệp Nhà nước có vốn nhỏ 25 tỷ đồng, Bến xe Miền Tây vẫn luôn nằm trong top các công ty kinh doanh ổn định và hiệu quả hàng đầu trên sàn chứng khoán. Năm 2018, công ty cũng gây bất ngờ với mức cổ tức tỷ lệ 400% bằng tiền.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FMC	Nắm giữ	18/08/20	32.4	27.7	17.0%	34.6	24.9%	26.7	-3.6%	Vượt kháng cự
2	PAC	Bán	07/09/20	22.75	23.6	-3.6%	25.9	9.7%	22.3	-5.5%	Xu hướng suy yếu

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	BMP	Quan sát mua	07/09/20	56.4	60   63	Nhịp điều chỉnh tích cực với vol giảm thấp dần + đang về gần hỗ trợ 54.5-56 -> khả năng sớm quay lại xu hướng tăng
2	BTP	Quan sát mua	07/09/20	15.5	17.7	Tín hiệu test cung tích cực với vol giảm -> khả năng tiếp tục nhịp tăng và có thể vượt kháng cự 15.75
3	DHC	Quan sát mua	07/09/20	44.9	48.5-49.5	Nhịp sideways ngắn hạn với vol giảm dần tích cực + mẫu hình đảo chiều Bullish Engulfing tại vùng hỗ trợ EMA -> một phiên tăng tốt vol cao lại trên trung bình sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
4	DVN	Quan sát mua	07/09/20	14.1	17-17.4	Phiên break nền tích lũy ngắn hạn kèm vol cao + MACD Hook, khả năng tiếp diễn xu hướng tăng -> có thể cân nhắc tham gia khi giá điều chỉnh về vùng 13.7-13.9
5	HPG	Quan sát mua	07/09/20	24.95	27	Tín hiệu tích lũy đang dần trở nên tích cực hơn với vol tăng dần + MACD cắt lên lại Signal -> kỳ vọng sớm có phiên break kháng cự 25 để quay lại nhịp tăng

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	HPG	Mua	10/08/20	24.95	24.2	3.1%	26.6	9.9%	23.2	-4%	
2	SAB	Mua	14/08/20	192.2	183	5.0%	206	12.6%	177	-3%	
3	FMC	Nắm giữ	18/08/20	32.4	27.7	17.0%	34.6	25%	26.7	-4%	Nâng giá mục tiêu lên vùng 34.6 ngàn
4	DGC	Nắm giữ	20/08/20	39.45	33.45	17.9%	43.5	30%	31.8	-5%	
5	VCB	Mua	21/08/20	84.9	83	2.3%	90	8%	81.7	-2%	
6	VRE	Mua	27/08/20	28.5	27.2	4.8%	28.6	5%	26.6	-2%	
7	PNJ	Mua	03/09/20	60.6	61	-0.7%	67.5	11%	58.4	-4%	

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 04/09/2020							Thông tin chứng quyền					
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,500	7.1 %	-3%	3,943	103	75,300	214	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,120	-1.7 %	52%	2,699	66	50,000	1,184	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,840	-2.1 %	23%	630	55	50,000	1,362	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,680	-4.0 %	-1%	6,817	49	50,000	1,335	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CFPT2008	1,500	1,490	-2.6 %	-1%	8,781	132	50,000	709	HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CHDB2005	1,080	770	-6.1 %	-29%	2,244	31	29,700	611	KIS	HDB	27,327	4	05/10/2020
CHDB2006	2,180	2,770	1.5 %	27%	9,204	34	29,700	2,535	MBS	HDB	24,700	2	08/10/2020
CHPG2005	2,100	11,560	-1.6 %	450%	169	27	24,950	5,993	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	4,270	-0.7 %	185%	367	12	24,950	1,476	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2008	4,100	4,090	-4.2 %	0%	16,011	87	24,950	95	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	4,020	-3.6 %	151%	12,239	55	24,950	1,280	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	5,960	-3.3 %	-2%	4,396	136	24,950	780	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	7,270	-2.4 %	5%	1,473	88	24,950	1,492	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	7,120	-2.5 %	-1%	1,938	227	24,950	1,701	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	6,540	-2.5 %	-2%	5,269	178	24,950	1,199	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CMSN2008	1,530	1,650	4.4 %	8%	21,681	94	56,300	836	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CHPG2016	2,200	2,630	-4.0 %	20%	6,707	132	24,950	236	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,330	-4.1 %	40%	17,527	77	60,600	1,594	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CSTB2008	1,500	1,900	-5.0 %	27%	11,817	77	11,300	1,191	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CVNM2009	1,810	2,450	0.8 %	35%	32,948	94	125,000	1,887	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVPB2009	1,630	2,280	-3.0 %	40%	2,874	77	23,450	1,698	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CMBB2003	2,000	1,440	-4.6 %	-28%	1,202	66	18,050	475	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2005	2,000	480	4.4 %	-76%	65	52	18,050	3	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,140	-4.2 %	4%	29,301	55	18,050	816	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	1,350	-4.9 %	-4%	6,461	132	18,050	771	HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	680	6.3 %	-70%	15,106	103	56,300	20	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	70	16.7 %	-97%	19,694	12	56,300	(0)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2005	2,100	620	8.8 %	-70%	114,788	55	56,300	26	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	1,500	7.1 %	-21%	5,045	132	56,300	594	HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMWG2005	2,500	3,450	-1.4 %	38%	219	27	94,100	1,263	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	340	-5.6 %	-83%	495	52	94,100	0	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	12,240	0.2 %	-5%	2,790	87	94,100	8,338	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2008	1,300	1,280	-1.5 %	-2%	21,784	53	94,100	951	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	1,750	-4.4 %	9%	16,217	49	94,100	1,554	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	1,870	0.5 %	34%	4,864	132	94,100	1,367	HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CNVL2001	2,300	1,500	-19.8 %	-35%	400	103	62,800	103	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,540	-0.8 %	27%	618	187	62,800	933	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2002	2,400	650	-11.0 %	-73%	3,520	27	60,600	0	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	-	0 %	-100%	-	52	60,600	0	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	540	-8.5 %	-46%	6,403	55	60,600	168	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	890	-4.3 %	-11%	1,461	132	60,600	409	HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CREE2003	1,000	-	0 %	-100%	-	55	37,300	1,487	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	2,730	0.7 %	74%	4,722	49	37,300	2,640	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	1,790	2.3 %	38%	20	132	37,300	1,315	HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	180	0 %	-82%	5,029	103	2,220	(0)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	530	0 %	-82%	140	103	14,500	0	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,040	-8.8 %	-39%	39,858	103	11,300	258	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	390	-25.0 %	-71%	88,160	12	11,300	204	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,220	-5.4 %	-13%	28,403	87	11,300	595	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CSTB2005	1,080	430	-12.2 %	-60%	32,964	60	11,300	50	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	820	-8.9 %	-45%	1,566	213	11,300	229	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CTCB2003	2,000	-	0 %	-100%	-	52	21,850	1	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,870	-5.1 %	-38%	2,477	87	21,850	685	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	2,100	-4.1 %	75%	9,444	55	21,850	1,966	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,800	-4.3 %	6%	570	132	21,850	1,173	HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CVHM2001	3,100	1,090	9.0 %	-65%	104	103	80,000	31	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	8,620	1.9 %	-25%	16,492	87	80,000	4,662	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,290	2.4 %	29%	23,400	55	80,000	1,032	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2004	1,490	350	-2.8 %	-77%	6,669	31	80,000	0	KIS	VHM	86,868	10	05/10/2020
CVHM2005	1,400	1,120	-9.7 %	-20%	6,406	132	80,000	483	HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVJC2001	2,400	230	9.5 %	-90%	905	103	107,600	0	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	550	-9.8 %	-71%	10,588	55	107,600	6	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2003	1,670	170	-10.5 %	-90%	20,888	31	107,600	0	KIS	VJC	123,456	10	05/10/2020
CVNM2004	17,500	16,090	1.3 %	-8%	2,484	87	125,000	8,600	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,560	0.4 %	71%	13,192	55	125,000	2,247	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2006	1,530	490	0 %	-68%	17,473	31	125,000	3	KIS	VNM	131,313	10	05/10/2020
CVNM2007	2,400	1,530	-0.7 %	-36%	105	187	125,000	317	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,090	-0.5 %	16%	4,235	132	125,000	1,327	HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVPB2006	3,400	1,870	-8.8 %	-45%	3,985	87	23,450	680	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,130	-11.0 %	-34%	26,105	55	23,450	605	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,800	-4.8 %	0%	1,521	132	23,450	1,134	HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVRE2003	3,000	420	7.7 %	-86%	27,225	103	28,500	2	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2005	4,000	2,950	8.1 %	-26%	6,378	87	28,500	1,393	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,540	6.9 %	40%	25,532	55	28,500	1,401	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	710	2.9 %	-53%	69,033	213	28,500	215	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,280	3.2 %	7%	8,990	132	28,500	815	HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">PHR</a> (New)	HOSE	58,000	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a> (New)	HOSE	28,500	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a> (New)	HOSE	10,400	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a> (New)	HOSE	94,100	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a> (New)	HOSE	62,800	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	22,950	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	119,200	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	56,300	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%
<a href="#">HPG</a>	HOSE	24,950	28,700	18/08/2020	9,638	2,889	16,628	18%	9%	9.9	1.7	5%
<a href="#">DHG</a>	HOSE	102,100	88,000	17/08/2020	670	5,125	27,884	18%	15%	17.2	3.2	-
<a href="#">VTP</a>	UPCOM	105,600	142,700	13/08/2020	451	7,565	24,318	40%	11%	18.9	7.6	0%
<a href="#">VPB</a>	HOSE	23,450	22,088	12/08/2020	8,558	3,511	20,826	18%	2%	6.3	1.1	0%
<a href="#">BMP</a>	HOSE	56,400	55,800	07/08/2020	491	6,001	30,994	19%	17%	9.2	1.8	40%
<a href="#">MSH</a>	HOSE	31,450	36,500	04/08/2020	21	428	20,629	2%	1%	85.2	1.8	25%
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	60,600	66,500	04/08/2020	836	3,713	21,769	17%	10%	17.9	3.1	8%
<a href="#">CTR</a>	UPCOM	41,700	42,400	03/08/2020	191	3,152	13,146	20%	8%	16.2	3.4	10%
<a href="#">STK</a>	HOSE	14,650	17,500	03/08/2020	102	1,448	15,252	10%	5%	12.1	1.2	15%
<a href="#">DGW</a>	HOSE	48,650	47,200	28/07/2020	205	4,759	25,703	18%	8%	9.9	1.8	20%
<a href="#">SBT</a>	HOSE	14,500	16,900	21/07/2020	725	1,192	14,313	8%	4%	14.1	1.2	5%
<a href="#">TCM</a>	HOSE	23,300	24,000	14/07/2020	211	3,402	25,343	13%	7%	7.1	0.9	-

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2020 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP Quản Lý Quỹ Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (PHFM).

Tòa nhà CR3-05B, Tầng 5, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5413 7991

Web: [www.phfm.vn](http://www.phfm.vn)